

Dự thảo 2**LUẬT
NUÔI CON NUÔI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Nuôi con nuôi.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về giải quyết nuôi con nuôi, sau giải quyết nuôi con nuôi, hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi và quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.

Điều 2. Mục đích nuôi con nuôi

Việc nuôi con nuôi nhằm bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình an toàn, ổn định, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nuôi con nuôi* là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi thông qua việc đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền.

2. *Cha, mẹ nuôi* là người nhận con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

3. *Con nuôi* là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

4. *Nuôi con nuôi trong nước* là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau mà người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi cùng cư trú tại Việt Nam hoặc cùng tạm trú ở nước ngoài.

5. *Nuôi con nuôi nước ngoài* là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam với người nước ngoài hoặc với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

6. *Nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình* là việc nuôi con nuôi giữa cha dưỡng với con riêng của vợ, giữa mẹ kế với con riêng của chồng, giữa cô, cậu, dì, chú, bác với cháu ruột.

7. *Giấy tờ nuôi con nuôi* là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi, gồm Quyết định nuôi con nuôi trong nước, Quyết định nuôi con nuôi nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Khi giải quyết việc nuôi con nuôi phải tôn trọng quyền của trẻ em được sống cùng cha, mẹ đẻ.

2. Việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi; tự nguyện; bình đẳng, không phân biệt về giới; không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

3. Việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài được thực hiện khi không thể giải quyết nuôi con nuôi trong nước.

Điều 5. Bảo hộ quyền nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi

Nhà nước bảo hộ quyền nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Bảo đảm quyền được biết về nguồn gốc

1. Con nuôi có quyền được biết về nguồn gốc của mình. Không ai được cản trở con nuôi thực hiện quyền này.

2. Việc cung cấp thông tin về nguồn gốc của con nuôi phải bảo đảm phù hợp với các quy định tại Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho con nuôi Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, đất nước.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về nuôi con nuôi

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nuôi con nuôi trong phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về nuôi con nuôi tại địa phương theo quy định.

Điều 8. Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của Việt Nam

Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, có trách nhiệm làm đầu

mối hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi; trao đổi, cung cấp thông tin; tiếp nhận báo cáo về người nhận con nuôi từ Cơ quan Trung ương của nước ngoài; lập, chuyển báo cáo về trẻ em đến Cơ quan Trung ương nước ngoài; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Điều 9. Phương thức nộp hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi

1. Cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết nuôi con nuôi.

Đối với hồ sơ của người nhận con nuôi nộp theo phương thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã không có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan, phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.

Điều 10. Lệ phí và khoản đóng góp

1. Người nhận con nuôi phải nộp lệ phí giải quyết nuôi con nuôi.

2. Tổ chức con nuôi nước ngoài phải nộp lệ phí cấp, gia hạn giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3. Ngoài lệ phí giải quyết nuôi con nuôi quy định tại khoản 1 Điều này, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam sống tại cơ sở trợ giúp xã hội làm con nuôi phải nộp một khoản đóng góp để bù đắp một phần chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ khi được giới thiệu làm con nuôi đến khi hoàn tất thủ tục giao nhận con nuôi.

Điều 11. Các hành vi bị cấm

1. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục, bạo hành, ngược đãi con nuôi; mua, bán trẻ em.

2. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trốn tránh việc thực hiện trách nhiệm pháp lý, vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

3. Giả mạo, sửa chữa trái pháp luật, làm sai lệch nội dung giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi.

4. Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi.

Điều 12. Xử lý vi phạm trong hoạt động giải quyết nuôi con nuôi

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về nuôi con nuôi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi

1. Cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.

2. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi phải bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi.

3. Cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI

Mục 1

ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI

Điều 14. Điều kiện của người được nhận làm con nuôi

1. Người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật về trẻ em;
- b) Người dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi đối với trẻ em cư trú trong nước; cơ quan đại diện xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi đối với trẻ em tạm trú ở nước ngoài. Việc xác nhận phải được cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi.

Điều 15. Điều kiện của người nhận con nuôi

1. Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là người độc thân hoặc là cặp vợ chồng được công nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi;

b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

c) Hơn người được nhận làm con nuôi ít nhất 20 tuổi và nhiều nhất 50 tuổi. Tùy trường hợp cụ thể, khoảng cách độ tuổi tối đa giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi có thể nhiều hơn 50 tuổi nếu việc nuôi con nuôi được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng thì khoảng cách độ tuổi này được áp dụng cho người ít tuổi hơn;

d) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

đ) Có tư cách đạo đức tốt.

2. Những người sau đây không được nhận con nuôi:

a) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

b) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

c) Đang chấp hành hình phạt tù;

d) Bị kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo mà chưa hết thời gian thử thách đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm danh dự con người; các tội về bạo lực gia đình; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.

đ) Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua, bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

3. Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột và vợ hoặc chồng của cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Người nhận con nuôi là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú hoặc định cư và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công dân Việt Nam cư trú trong nước đủ điều kiện nhận con nuôi trong nước và công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới làm con nuôi. Cơ quan đại diện xác nhận công dân Việt Nam

tạm trú ở nước ngoài đủ điều kiện nhận trẻ em Việt Nam tạm trú ở nước ngoài làm con nuôi.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận công dân Việt Nam cư trú trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

Điều 16. Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

1. Việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau đang cư trú ở nước ngoài hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi nếu thuộc các trường hợp sau:

a) Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên;

b) Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định pháp luật của nước ngoài nếu tại thời điểm giải quyết việc nuôi con nuôi, các bên đáp ứng đủ điều kiện và không vi phạm điều cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thẩm quyền, thủ tục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có hiệu lực tại Việt Nam kể từ thời điểm được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Mục 2

THẨM QUYỀN, YÊU CẦU ĐỐI VỚI THỦ TỤC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI

Điều 17. Thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài giải quyết việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam mà bên nhận con nuôi và bên được nhận làm con nuôi đều tạm trú ở nước ngoài.

Điều 18. Thứ tự ưu tiên giải quyết nuôi con nuôi

1. Thứ tự ưu tiên giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cha dượng, mẹ kế;

b) Cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;

c) Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;

- d) Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;
- đ) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- e) Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài.

2. Trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất.

Điều 19. Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi trong nước

1. Người có nguyện vọng nhận con nuôi phải đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật thông tin về nhu cầu nhận con nuôi vào cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi.

Điều 20. Hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt đối với giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận

1. Giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài được sử dụng tại Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 21. Yêu cầu đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi

1. Trẻ em được giới thiệu cho làm con nuôi phải bảo đảm đủ điều kiện theo quy định của luật này. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải được cơ quan công an xác minh nguồn gốc.

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết nuôi con nuôi thực hiện việc giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi trên cơ sở đánh giá toàn diện sự phù hợp giữa điều kiện kinh tế, gia đình, xã hội, khả năng nuôi dưỡng và nguyện vọng của người nhận con nuôi với đặc điểm, nhu cầu của trẻ em được nhận làm con nuôi.

3. Việc giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài được thực hiện đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam.

4. Không thực hiện thủ tục giới thiệu đối với trường hợp nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình và nhận nuôi trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo.

Điều 22. Yêu cầu đối với sự đồng ý cho làm con nuôi

1. Việc giải quyết nuôi con nuôi phải có sự đồng ý của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được nhận làm con nuôi, trừ trường hợp người được

nhận làm con nuôi là trẻ em bị bỏ rơi. Trường hợp người được nhận làm con nuôi từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải có cả sự đồng ý của người đó.

Những người được lấy ý kiến có quyền thay đổi ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.

2. Trường hợp người được nhận làm con nuôi sống tại cơ sở trợ giúp xã hội thì đại diện cơ sở trợ giúp xã hội phải thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi.

3. Sự đồng ý phải hoàn toàn tự nguyện, trung thực, không bị ép buộc, đe dọa hay mua chuộc; không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác.

4. Cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày.

Điều 23. Báo cáo và theo dõi tình hình phát triển của con nuôi

1. Sáu tháng một lần trong thời hạn ba năm kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ quan đại diện đối với trường hợp nuôi con nuôi trong nước; Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện đối với trường hợp nuôi con nuôi nước ngoài.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình phát triển của con nuôi trong nước. Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện có trách nhiệm theo dõi tình hình phát triển của con nuôi Việt Nam ở nước ngoài.

3. Trong trường hợp có thông tin đột xuất về tình hình phát triển của con nuôi Việt Nam tại nước ngoài, cha, mẹ nuôi cung cấp thông tin thông qua Tổ chức con nuôi nước ngoài hoặc Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Mục 3

HỖ TRỢ CÔNG TÁC NUÔI CON NUÔI

Điều 24. Sự tham gia của người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau giải quyết nuôi con nuôi.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức hành nghề công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác xã hội.

Điều 25. Tổ chức con nuôi trong nước

1. Là tổ chức có tư cách pháp nhân, được thành lập để hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau giải quyết nuôi con nuôi.

2. Hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận, được đặt dưới sự lãnh đạo và điều hành của những người có tư cách đạo đức tốt, có chuyên môn và kinh nghiệm để làm việc trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

3. Chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam

1. Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp, phi lợi nhuận trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế tại nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam;

b) Có địa chỉ liên hệ tại Việt Nam;

c) Người đại diện của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam có tư cách đạo đức tốt, hiểu biết về văn hóa, xã hội Việt Nam và pháp luật về nuôi con nuôi.

2. Tổ chức con nuôi nước ngoài được gia hạn, sửa đổi hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Chức năng của tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam:

a) Hỗ trợ người nhận con nuôi thực hiện các thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài ở Việt Nam;

b) Hỗ trợ tìm người nhận con nuôi có điều kiện phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo;

c) Hỗ trợ người nhận con nuôi trong suốt thời gian ở Việt Nam, chịu trách nhiệm về việc cung cấp cho người nhận con nuôi các dịch vụ phù hợp;

d) Hỗ trợ cha, mẹ nuôi trong quá trình con nuôi Việt Nam hoà nhập với gia đình;

đ) Đôn đốc cha, mẹ nuôi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi Việt Nam ở nước ngoài;

e) Hỗ trợ cha, mẹ nuôi, con nuôi Việt Nam ở nước ngoài yêu cầu tìm kiếm thông tin về nguồn gốc; về thăm quê hương, đất nước.

Chương III

HỆ QUẢ PHÁP LÝ CỦA VIỆC NUÔI CON NUÔI, CHẤM DỨT VIỆC NUÔI CON NUÔI

Điều 27. Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi

1. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con. Giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha, mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam cư trú trong nước nhận làm con nuôi sẽ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ như trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi trong nước.

2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, định đoạt tài sản riêng của con đã được giải quyết cho làm con nuôi.

Trường hợp người được cha dượng hoặc mẹ kế nhận làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại khoản này đối với mẹ đẻ hoặc cha đẻ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con cùng với cha dượng hoặc mẹ kế.

3. Đối với nuôi con nuôi trong nước:

a) Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên của con nuôi, thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán trong nội dung khai sinh của con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật hộ tịch.

b) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được giải quyết cho làm con nuôi sau đó xác định được cha, mẹ đẻ và cha, mẹ đẻ đề nghị thay đổi phần thông tin về cha, mẹ trong Giấy khai sinh của con nuôi thì không được xem xét, giải quyết.

Điều 28. Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi

1. Căn cứ thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi:

a) Việc giải quyết nuôi con nuôi không được thực hiện theo đúng quy định pháp luật;

b) Việc giao nhận con nuôi không thể thực hiện vì lý do khách quan;

c) Tại thời điểm giao nhận con nuôi, người nhận con nuôi bị kết án phạt tù.

2. Giấy tờ nuôi con nuôi bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không có hiệu lực từ thời điểm được ban hành. Quyền và nghĩa vụ giữa trẻ em và cha, mẹ đẻ được khôi phục trong trường hợp đã diễn ra việc giao nhận con nuôi.

3. Cơ quan nào có thẩm quyền ban hành giấy tờ nuôi con nuôi thì có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước

1. Căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi:

a) Con nuôi trở thành trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật về trẻ em;

b) Con nuôi đã thành niên và cha, mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi;

c) Con nuôi không thể hòa nhập với gia đình cha, mẹ nuôi; cha, mẹ nuôi bỏ mặc, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con nuôi hoặc đối xử tàn tệ với con nuôi dẫn đến việc nuôi con nuôi không đạt được mục đích theo quy định của Luật này;

d) Con nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha, mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha, mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá sản tài sản của cha, mẹ nuôi;

đ) Cha, mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi;

e) Vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 11 của Luật này.

2. Các tổ chức, cá nhân sau đây có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi:

a) Cha, mẹ nuôi;

b) Con nuôi;

c) Cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ trước đây của con nuôi;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 30. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước

Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 31. Hệ quả của việc chấm dứt nuôi con nuôi trong nước

1. Quyết định nuôi con nuôi trong nước không còn hiệu lực thi hành kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi, các thành viên khác của gia đình cha, mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp con nuôi là người chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động thì Tòa án quyết định giao cho cha, mẹ đẻ hoặc tổ chức, cá nhân khác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của người đó.

3. Trường hợp con nuôi được giao cho cha, mẹ đẻ thì các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ đẻ và các thành viên khác của gia đình với người được nhận làm con nuôi đã bị chấm dứt theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này được khôi phục kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Trường hợp con nuôi có tài sản riêng thì được nhận lại tài sản đó; nếu con nuôi có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi thì

được hưởng phần tài sản tương xứng với công lao đóng góp theo thỏa thuận với cha, mẹ nuôi, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Con nuôi có quyền lấy lại họ, chữ đệm, tên, thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán như trước khi được cho làm con nuôi.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. Việc tham gia của người làm công tác xã hội vào quy trình giải quyết nuôi con nuôi và sau giải quyết nuôi con nuôi, việc thành lập các tổ chức con nuôi trong nước được thực hiện theo lộ trình của Chính phủ.

2. Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành các nội dung sau đây:

a) Quy định chi tiết các điều từ Điều 6 đến Điều 10, Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 1 và khoản 5 Điều 15, Điều 17, Điều 19, các điều từ Điều 21 đến Điều 26 của Luật này; giải quyết nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới; đăng ký lại việc nuôi con nuôi đối với các trường hợp nuôi con nuôi đã được giải quyết trước ngày Luật này có hiệu lực;

b) Biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật này.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động tại Việt Nam của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi tại thời điểm tiếp nhận.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày tháng 10 năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

